

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/DS-ST
Ngày: 04 – 9 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển giao
nghĩa vụ dân sự

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khanh.
Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễm-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2020/TLST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2020, về tranh chấp Hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ dân sự, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2020/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2020/QĐST-DS, ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1955, địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Bửu Thịnh Đ, sinh năm 1969 (có mặt) và bà Lâm Thị Thanh C, sinh năm 1972 (có mặt), cùng địa chỉ: Số Y-Nguyễn Văn Th, Khóm Z, Phường N, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1966 (vắng mặt) và bà Ngô Thị C, sinh năm 1965 (có mặt), cùng địa chỉ: Số M, ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1979, địa chỉ: Số P, Ấp M, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2020, biên bản lấy lời khai ngày 28/7/2020, và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:*

Trước đây, trong quá trình làm ăn, bà Nguyễn Thị D, có nợ bà một khoản tiền khá lâu chưa thanh toán, bà D cho rằng việc chậm trễ thanh toán cho bà là do bị một số người thiếu tiền, hiện họ chưa trả.

Sau nhiều lần hứa hẹn không thực hiện được, cuối cùng bà D chuyển nghĩa vụ thanh toán số tiền 120.000.000 đồng, từ ông Nguyễn Văn V và bà Ngô Thị C, về cho bà hưởng quyền, biên bản chuyển giao nghĩa vụ có sự thống nhất của ba bên cùng ký tên, nghĩa là kể từ thời điểm ngày 28/8/2019 (nhằm ngày 28/7/2019 âm lịch), ông V và bà C có nghĩa vụ trả cho bà khoản tiền ghi trên, theo định kỳ 10.000.000 đồng/4 tháng, cho đến khi trả xong.

Lúc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ sang cho bà, có mặt ba bên, tại nhà của bà C, gồm có bà, bà Nguyễn Thị D và vợ chồng bà Ngô Thị C, ông Nguyễn Văn V. Lúc đó, bà D và bà C kiểm tra sổ hụi, giấy tờ với nhau, bà C còn nợ bà D 12 lần hụi chết chưa đóng là 120.000.000 đồng, bà D còn nợ bà khoảng hơn 300.000.000 đồng tiền hụi, cho nên ba bên làm giấy thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ, cụ thể vợ chồng bà V, ông C sẽ trả cho bà số tiền 120.000.000 đồng thay cho bà D, theo Giấy thỏa thuận bàn giao ngày 28/7/2019 âm lịch.

Còn việc tham gia chơi hụi giữa vợ chồng bà C, ông V với bà D như thế nào, bà không biết, bà không có tham gia chơi chung dây hụi mùa 4.000.000 đồng với bà C, nên bà không biết bà C tham gia chơi trong dây hụi nào, 18 người hay 19 người, như bà C trình bày.

Tuy nhiên, kể từ thời điểm giao kết, ông V và bà C không thực hiện nghĩa vụ cho đến nay. Bà cũng không đồng ý giảm 10.000.000 đồng cho vợ chồng bà C, ông V.

Từ những lý do trên, bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xem xét buộc ông Nguyễn Văn V và bà Ngô Thị C trả lại số tiền gốc 120.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả kể từ ngày 28/8/2019 (nhằm ngày 28/7/2019 âm lịch), tạm tính là 8.000.000 đồng.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2020, bị đơn bà Ngô Thị C trình bày:*

Bà thừa nhận có ký vào Giấy thỏa thuận bàn giao ngày 28/7/2019 âm lịch, về việc chuyển giao nghĩa vụ dân sự giữa ba bên là bà, bà Nguyễn Thị D và bà Trần Thị N. Việc chuyển giao nghĩa vụ này, chồng bà, ông Nguyễn Văn V, cũng biết và đồng ý. Việc nợ nần của bà, chồng bà đều biết rõ. Thực tế, bà thiếu nợ bà D số tiền hụi 110.000.000 đồng, nhưng khi ký thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ cho bà N, ghi nhầm số tiền 120.000.000 đồng. Vì bà tham gia dây hụi mùa có 18 người, chứ không phải dây hụi mùa 19 người do bà D làm chủ. Từ khi ký giấy thỏa thuận bàn giao đến nay, vợ chồng bà chưa trả cho bà N khoản tiền nào, do ghi nhầm số tiền 10.000.000 đồng.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà N, vợ chồng bà chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền 110.000.000 đồng, theo phương thức trả dần 04 tháng trả 10.000.000 đồng, cho đến khi hết nợ; Bà không đồng ý trả 120.000.000 đồng, vì bà chỉ thiếu bà D 110.000.000 đồng, theo đây hụi mùa 4.000.000 đồng, mở ngày 29/3/2016, do bà D làm chủ, bà tham gia 01 chung, có 18 người.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng đối với các đương sự vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, các đương sự ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị D, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt hai đương sự này.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chỉ yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ 120.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 28/8/2019 đến 28/8/2020, với mức lãi suất 10%/năm, tính trên số tiền chậm trả theo định kỳ 10.000.000 đồng, thành tiền 1.992.000 đồng, theo Bảng kê tính lãi ngày 04/9/2020, đã cung cấp cho Tòa án. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, có lợi cho bị đơn, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nội dung:

[3] Căn cứ vào Giấy thỏa thuận bàn giao ngày 28/7/2019 âm lịch thể hiện: Giữa ba bên là bà Ngô Thị C, bà Nguyễn Thị D và bà Trần Thị N, có ký thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ dân sự với nội dung vợ chồng bà Ngô Thị C, ông Nguyễn Văn V đồng ý trả số tiền nợ 120.000.000 đồng cho bà Trần Thị N, trả thay cho bà Nguyễn Thị D, vì bà D còn nợ bà N số tiền này. Vợ chồng bà C, ông

V trả dần số tiền này cho bà N theo vụ lúa, bốn tháng sẽ trả 10.000.000 đồng. Xét thấy, thỏa thuận này là giao dịch dân sự có hiệu lực và có giá trị pháp lý bắt buộc đối với các bên tham gia, vì phù hợp với quy định tại các điều 116, 117 và 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Bị đơn bà Ngô Thị C thừa nhận: Có ký vào Giấy thỏa thuận bàn giao ngày 28/7/2019 âm lịch, về việc chuyển giao nghĩa vụ dân sự giữa ba bên là bà, bà Nguyễn Thị D và bà Trần Thị N. Việc chuyển giao nghĩa vụ này, chồng bà, ông Nguyễn Văn V, cũng biết và đồng ý. Thực tế, bà thiếu nợ bà D số tiền hụi 110.000.000 đồng, nhưng khi ký thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ cho bà N, thì ghi nhầm số tiền 120.000.000 đồng, nên vợ chồng bà không đồng ý trả số tiền này, mà chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền 110.000.000 đồng, theo phương thức trả dần, 04 tháng trả 10.000.000 đồng, cho đến khi hết nợ.

[5] Nguyên đơn bà Trần Thị N cho rằng: Việc tham gia chơi hụi giữa vợ chồng bà C, ông V với bà D như thế nào, bà không biết, bà không có tham gia chơi chung dây hụi mùa 4.000.000 đồng với bà C, nên bà không biết bà C tham gia chơi trong dây hụi nào, 18 người hay 19 người, như bà C trình bày. Bà cũng không đồng ý giảm 10.000.000 đồng cho vợ chồng bà C, ông V.

[6] Tại Điều 370 và 373 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về Chuyển giao nghĩa vụ và Hoàn thành nghĩa vụ:

“1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, 2. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ”; “Nghĩa vụ được hoàn thành khi bên có nghĩa vụ đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hoặc thực hiện một phần nghĩa vụ nhưng phần còn lại được bên có quyền cho miễn thực hiện”.

[7] Tại khoản 1 Điều 351 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định Trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ và Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: *“Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”; “1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.*

[8] Nội dung yêu cầu khởi kiện cần xem xét, giải quyết trong vụ án này là tranh chấp Hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ dân sự, không phải tranh chấp Hợp đồng góp hụi, cho nên, lời trình bày của bà C cho rằng ký nhầm số tiền nợ hụi 10.000.000 đồng của bà D và không đồng ý trả số tiền 120.000.000 đồng, theo Hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ dân sự ngày 28/7/2019 âm lịch, là không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 351, 357, 370, và 373 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

bà Trần Thị N, buộc vợ chồng bà Ngô Thị C, ông Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền nợ 120.000.000 đồng và tiền lãi 1.992.000 đồng, tổng cộng 121.992.000 đồng.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

[10] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên bà N không phải chịu án phí và cũng không phải nộp tạm ứng án phí, do thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Vợ chồng bà C, ông V phải liên đới chịu án phí có giá ngạch là 6.099.600 đồng (= 121.992.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 351, 357, 370 và 373 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án Dân sự

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Ngô Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N tổng số tiền nợ và lãi là 121.992.000 đồng, trong đó tiền nợ 120.000.000 đồng, tiền lãi 1.992.000 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Bà N không phải chịu án phí và cũng không phải nộp tạm ứng án phí, do thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Buộc vợ chồng bà C, ông V phải liên đới chịu 6.099.600 đồng đồng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vinh Thắng